

Bản án số: 64/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2017

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Xuân Phi

2. Ông Nguyễn Hữu Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 352/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28.8.2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 352/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12.9.2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Y**, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Số 07 đường L, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn H**, sinh năm: 1975; Địa chỉ: K95/2 đường C, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 03.7.2017, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - bà Trần Thị Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn H xây dựng gia đình vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống. Hiện nay tôi đã chuyển về

nhà cha mẹ ruột tại phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng sinh sống, vợ chồng sống ly thân mỗi người mỗi nơi, không ai còn quan tâm đến ai.

Nay tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Tôi và ông Nguyễn H có 02 (hai) người con chung Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 29.9.2003 và Nguyễn Trần B, sinh ngày: 19.9.2007. Ly hôn, tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Tôi không yêu cầu ông H đóng góp cấp dưỡng nuôi hai con.

- Về tài sản chung: Tôi xác định tôi và ông Nguyễn H không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và ông Nguyễn H không nợ nần ai và không ai nợ nần chúng tôi.

*Về phía bị đơn - ông Nguyễn H: Mặc dù Tòa án đã làm các thủ tục theo quy định của pháp luật để tiến hành lấy lời khai nhưng ông Nguyễn H vẫn không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng trong quá trình tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án. Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị HĐXX xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Y về việc cho bà được ly hôn với ông Nguyễn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về “Ly hôn” đối với bị đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn H vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Y và ông Nguyễn H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2002, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận K,

thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Nguyễn H.

[2] Xét yêu cầu của bà Y thì thấy: tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” và “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau” nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Huyền khẳng định không còn yêu thương ông H nữa. Hiện nay, bà Trần Thị Y đã chuyển về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng sống ly thân, mỗi người mỗi nơi, không còn quan tâm gì đến nhau. Mặt khác, mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông H không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào thể hiện thiện chí đoàn tụ gia đình.

[3] Xét thấy giữa bà Y và ông H hôn nhân thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn không còn nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Y đối với ông Nguyễn H.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Y xác định có 02 (hai) người con chung: Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 29.9.2003 và Nguyễn Trần B, sinh ngày: 19.9.2007. Ly hôn, bà Y có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông Nguyễn H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

[5] Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho các con. Hiện nay, hai con chung đều đang được bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông H thường xuyên đi làm ăn nên không thể đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho con. Do đó, nguyện vọng xin được nuôi con của bà Y là hợp lý đối với việc đảm bảo cuộc sống cũng như tương lai của con, điều kiện thực tế của mỗi bên. Do đó, áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao hai con chung Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 29.9.2003 và Nguyễn Trần B, sinh ngày: 19.9.2007 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Y không yêu cầu ông Nguyễn H cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên HĐXX không đề cập đến.

[7] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Y xác định bà và ông Nguyễn H không có tài sản chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà Trần Thị Y xác định bà và ông Nguyễn H không có nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[9] Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng bà Trần Thị Y phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Trần Thị Y đối với ông Nguyễn H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Y đối với ông Nguyễn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 192 của UBND phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng cấp cho bà Trần Thị Y và ông Nguyễn H không còn giá trị pháp lý

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 29.9.2003 và Nguyễn Trần B, sinh ngày: 19.9.2007 cho bà Trần Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Y xác định bà và ông Nguyễn H không có tài sản chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Y xác định bà và ông Nguyễn H không có nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

5. Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Trần Thị Y phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Y đã nộp tại biên lai thu số 7361 ngày 03.7.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng. Bà Trần Thị Y đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc) niêm yết bản án tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- UBND phường T, Q. K, TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Hậu

